THỜI KHÓA BIỂU HỌC HỌC SINH KHỐI 11 (BUỔI SÁNG - CHIỀU) NĂM HỌC 2022 - 2023

(Thực hiện từ ngày 08 tháng 05 năm 2023)

THỨ	TIẾT	SÁNG									CHIỀU								
		B1 (NhungH)	B2 (Chi)	B3 (HuyềnV)	B4 (YếnV)	B5 (Phượng)	B6 (Quỳnh)	B7 (Sơn)	B8 (Nhâm)	B9 (Hòa)	B1 (NhungH)	B2 (Chi)	B3 (HuyềnV)	B4 (YếnV)	B5 (Phượng)	B6 (Quỳnh)	B7 (Sơn)	B8 (Nhâm)	B9 (Hòa)
2	1	HĐ TNHN (NhungH)	HĐ TNHN	HĐ TNHN (HuyềnV)	HĐ TNHN (YếnV)	HĐ TNHN (Phượng)	HĐ TNHN (Quỳnh)	HĐ TNHN	HĐ TNHN (Nhâm)	HĐ TNHN (HòaĐ)		Hóa (Nhâm)	T.Anh (Thơm)	Địa (HòaĐ)	T.Anh (V.Thủy)	Nghề VSDD	Toán (Sơn)	T.Anh (MaiN)	
	2	GDTC (Quỳnh)	Văn (Xuân)	Lý (HuyềnL)	Sử (C.Hương)	Công nghệ (Huê)	Văn (NhungV)	Lý (Chi)	GDTC (ThùyTD)	Sinh (Đ.Thủy)	Nghề Tin (Thư)	Hóa (Nhâm)	T.Anh (Thơm)	Toán (Ngọc)	GD KTPL (Quang)	Nghề VSDD	Toán (Sơn)	Toán (Hiệp)	Nghề Tin (YếnT)
	3	Hóa (NhungH)	Văn (Xuân)	Toán (Tân)	Toán (Ngọc)	Lý (HuyềnL)	Văn (NhungV)	Hóa (Thanh)	Công nghệ (Huê)	Sử (C.Hương)	Nghề Tin (Thư)	Lý (Chi)	Sử (Dung)	Toán (Ngọc)	Toán (Sơn)	Nghề VSDD	GD KTPL (Quang)	Toán (Hiệp)	Nghề Tin (YếnT)
	4	Văn (Xuân)	Sử (C.Hương)	Hóa (NhungH)	Toán (Ngọc)	Hóa (Thanh)	Lý (Chi)	Công nghệ	Sinh (Đ.Thủy)	Văn (TrangV)	Nghề Tin (Thư)	Lý (Chi)	Văn (HuyềnV)	Toán (Ngọc)	Toán (Sơn)		Sử (Dung)	GD KTPL (Quang)	Nghề Tin (YếnT)
	5	Văn	Sinh	Địa	Văn	Toán	Hóa	Sử	T.Anh	Văn									
3	1	T.Anh (V.Thủy)	T.Anh (HuyềnN)	T.Anh (Thơm)	GDTC (ThùyTD)	Tin (Thư)	T.Anh (HươngN)	Công nghệ	GD KTPL (Quang)	Toán (Hiệp)	Sinh (HằngS)		Văn (HuyềnV)	GD KTPL (Quang)		Địa (Phương)			Toán (Hiệp)
	2	Công nghệ (Huê)	T.Anh (HuyềnN)	GD KTPL (Quang)	Lý (HuyềnL)	Tin (Thư)	Toán (Hiệp)	Địa (Phương)	Sử (C.Hương)	GDTC (ThùyTD)	Toán (Tân)	Nghề Tin (YếnT)	Văn (HuyềnV)	T.Anh (Thơm)	Nghề VSDD (HằngS)	GD KTPL (Quang)	Nghề Điện	Nghề VSDD	Toán (Hiệp)
	3	Toán (Tân)	Địa (Phương)	Hóa (NhungH)	Công nghệ (Huê)	T.Anh (V.Thủy)	Toán (Hiệp)	GD KTPL (Quang)	Tin (Thư)	Lý (HuyềnL)	Lý (Chi)	Nghề Tin (YếnT)	GD KTPL (Quang)	Văn (YếnV)	Nghề VSDD (HằngS)	Văn (NhungV)	Nghề Điện	Nghề VSDD	Văn (TrangV)
	4	Sử (C.Hương)	Toán (Dực)	Toán (Tân)	Hóa (NhungH)	T.Anh (V.Thủy)	Địa (Phương)	GDTC (ThùyTD)	Tin (Thư)	GD KTPL (Quang)	Lý (Chi)	Nghề Tin (YếnT)	Toán (Tân)	Văn (YếnV)	Nghề VSDD (HằngS)	Văn (NhungV)	Nghề Điện	Nghề VSDD	Văn (TrangV)
	5	Địa (Phương)	Toán (Dực)	Toán (Tân)	T.Anh (Thơm)	Sử (C.Hương)	Tin (Thư)	T.Anh (HươngN)	Lý (HuyềnL)	T.Anh (MaiN)									
4	1	Lý (Chi)	GDTC (ThùyTD)	ToánTC (Tân)	Tin (Thư)	T.Anh (V.Thủy)	Sử (C.Hương)	Hóa (Thanh)	Toán (Hiệp)	Công nghệ (Huê)	Văn (Xuân)	Toán (Dực)	Địa (HòaĐ)	Văn (YếnV)	T.Anh (V.Thủy)	Toán (Hiệp)	Toán (Sơn)	Văn (Hương)	T.Anh (MaiN)
	2	SửTC (C.Hương)	Lý (Chi)	ToánTC (Tân)	Tin (Thư)	Công nghệ (Huê)	Hóa (Thanh)	Văn (Hương)	Toán (Hiệp)	Văn (TrangV)	Văn (Xuân)	Toán (Dực)	T.Anh (Thơm)	Sử (Dung)	Toán (Sơn)	Toán (Hiệp)	T.Anh	Văn (Hương)	Địa (HòaĐ)
	3	Công nghệ (Huê)	GD KTPL (Quang)	Sử (C.Hương)	GDTC (ThùyTD)	Hóa (Thanh)	Tin (Thư)	Văn (Hương)	Hóa (Nhâm)	VănTC (TrangV)	T.Anh (V.Thủy)	T.Anh (HuyềnN)	Toán (Tân)	T.Anh (Thơm)	Văn (Xuân)	T.Anh (HươngN)	Văn (Hương)	Sử (Dung)	Toán (Hiệp)
	4	Toán (Tân)	Hóa (Nhâm)	T.Anh (Thơm)	Văn (YếnV)	Sinh (Đ.Thủy)	Văn (NhungV)	Toán (Sơn)	Văn (Hương)	Tin (Thư)	T.Anh (V.Thủy)	T.Anh (HuyềnN)	Toán (Tân)	T.Anh (Thơm)	Văn (Xuân)	T.Anh (HươngN)	Văn (Hương)		Sử (Dung)
	5	Toán	Công	T.Anh	Văn	GD KTPL	VănTC	Toán	Văn	Tin									
5	1	Tin (Thư)	SửTC (C.Hương)	Sinh (Đ.Thủy)	Lý (HuyềnL)	Toán (Sơn)	GD KTPL (Quang)	Lý (Chi)	Công nghệ (Huê)	Toán (Hiệp)						GD QPAN Tuần 2,4			
	2	Tin (Thư)	GDTC (ThùyTD)	Công nghệ (Huê)	GD KTPL (Quang)	Toán (Sơn)	Lý (Chi)	Sinh (Đ.Thủy)	SửTC (C.Hương)	Toán (Hiệp)						GD QPAN Tuần 2,4			
	3	ToánTC (Tân)	Toán (Dực)	Tin (Thư)	Toán (Ngọc)	GDTC (ThùyTD)	Công nghệ (Huê)	SửTC (C.Hương)	Toán (Hiệp)	Lý (HuyềnL)								GD QPAN Tuần1,3	GD QPAN Tuần 2,4
	4	GD KTPL (Quang)	Công nghệ	Tin (Thư)	ToánTC (Ngọc)	Địa (Phương)	SửTC (C.Hương)	Toán (Sơn)	ToánTC (Hiệp)	Hóa (Nhâm)								GD QPAN Tuần1,3	GD QPAN Tuần 2,4
	5																		
6	1	GDTC (Quỳnh)	T.Anh (HuyềnN)	Văn (HuyềnV)	T.Anh (Thơm)	GDTC (ThùyTD)	Toán (Hiệp)	Tin (Thư)	Văn (Hương)	Công nghệ (Huê)	Toán (Tân)	Văn (Xuân)		Nghề VSDD	T.Anh (V.Thủy)	Văn (NhungV)		T.Anh (MaiN)	GD KTPL (Quang)
	2	Văn (Xuân)	ToánTC (Dực)	Văn (HuyềnV)	T.Anh (Thơm)	SửTC (C.Hương)	GDTC (Quỳnh)	Tin (Thư)	VănTC (Hương)	GDTC (ThùyTD)	Toán (Tân)	Văn (Xuân)	Nghề Tin (Thư)	Nghề VSDD	Địa (Phương)	Sử (Dung)	T.Anh	T.Anh (MaiN)	Văn (TrangV)
	3	VănTC (Xuân)	ToánTC (Dực)	GDTC (Quỳnh)	ToánTC (Ngọc)	Lý (HuyềnL)	Công nghệ (Huê)	T.Anh (HươngN)	T.Anh (MaiN)	SửTC	Hóa (NhungH)	Toán (Dực)	Nghề Tin (Thư)	Nghề VSDD	Sử (Dung)	Toán (Hiệp)	T.Anh	Địa (Phương)	T.Anh (MaiN)
	4	T.Anh (V.Thủy)	Tin (Thư)	Công nghệ (Huê)	SửTC (C.Hương)	Văn (Xuân)	T.Anh (HươngN)	Văn (Hương)	T.Anh (MaiN)	ToánTC (Hiệp)	Hóa (NhungH)	Sinh	Nghề Tin (Thư)		Văn (Xuân)	T.Anh (HươngN)	Địa (Phương)	Toán (Hiệp)	T.Anh (MaiN)
	5	T.Anh	Tin	SửTC	Công nghệ	Văn	T.Anh	VănTC	Lý	ToánTC									
7	1	ToánTC (Tân)	Văn (Xuân)	Lý (HuyềnL)	Sinh (HằngS)	ToánTC (Sơn)	ToánTC (Hiệp)	GDTC	Hóa (Nhâm)	Địa (HòaĐ)					GD QPAN Tuần1,3		GD QPAN		
	2	Lý (Chi)	VănTC (Xuân)	GDTC (Quỳnh)	Địa (HòaĐ)	ToánTC (Sơn)	ToánTC (Hiệp)	T.Anh	GDTC (ThùyTD)	T.Anh (MaiN)					GD QPAN Tuần1,3		GD QPAN		
	3	Hóa (NhungH)	Hóa (Nhâm)	Văn (HuyềnV)	VănTC (YếnV)	Văn (Xuân)	Sinh (HằngS)	ToánTC (Sơn)	ToánTC (Hiệp)	T.Anh (MaiN)						GD QPAN Tuần1,3		GD QPAN Tuần 2,4	
	4	Sinh (HằngS)	Lý (Chi)	VănTC (HuyềnV)	Hóa (NhungH)	VănTC (Xuân)	GDTC (Quỳnh)	ToánTC (Sơn)	Địa (Phương)	Hóa (Nhâm)						GD QPAN Tuần1,3		GD QPAN Tuần 2,4	
	5	HĐ TNHN	HĐ	HĐ TNHN	HĐ TNHN	HĐ TNHN	HĐ TNHN	HĐ	HĐ TNHN	HĐ TNHN									